

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TD
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HS-ST
Ngày 11 - 5 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình La

Bà Kiều Thị Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Ánh Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Tạ Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2021/TLST- HS ngày 06 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh ngày 24/10/1975; nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Phan Thị T1; có vợ là Trần Thị M và 04 con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 43/HSST ngày 19/4/1999, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt; đã thi hành hình phạt bổ sung và án phí tháng 01/2012.

Bản án số 35/2008/HSST ngày 03/7/2008, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 09 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Ngày 02/02/2016 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù; bị cáo được miễn thi hành hình phạt bổ sung và án phí.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/12/2020 đến nay (có mặt).

2. Nguyễn Nhân H, sinh ngày 01/01/1971; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: TL, Phường T, thành phố HD, tỉnh Hải Dương; chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã C, huyện V,

tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn B và bà Đào Thị X (đều đã chết); có vợ là Bùi Thị C và có 01 con; tiền sự: Không.

Tiền án: 01. Tại bản án số 688/2000/HSST ngày 24/4/2000, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xử phạt 18 năm tù về tội “Chứa mại dâm” và tội “Trộm cắp tài sản của công dân”; ngày 05/4/2015 chấp hành xong hình phạt tù, ngày 03/8/2009 chấp hành xong án phí và được miễn thi hành hình phạt bổ sung, đến nay chưa được xóa án tích.

Nhân thân: Tại bản án số 27/2016/HSST ngày 23/6/2016, Tòa án nhân dân huyện GL, tỉnh Hải Dương xử phạt 08 tháng tù về tội “đánh bạc”; ngày 14/03/2018 chấp hành xong hình phạt tù, ngày 20/9/2016 chấp hành xong án phí và hình phạt bổ sung, đến nay đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/12/2020 đến nay (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Nguyễn Thị Q (tên gọi khác: N), sinh năm 1989 (vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Thôn X, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Chỗ ở hiện nay: Thôn V, xã Đ, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 12/12/2020, Nguyễn Văn T điện thoại cho Trần Văn H1, sinh năm 1985 ở xã Y, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc hỏi mua một gói ma túy dạng đá với số tiền 1.000.000 đồng để sử dụng cho bản thân và bán kiếm lời. H1 đồng ý và hẹn T đến khu vực ngã ba đường 36m đi vào thôn L, xã Y, huyện V sẽ có người đưa ma túy cho. Sau đó, T điều khiển xe mô tô BKS: 88K1 - 276.98 từ nhà đến địa điểm hẹn với H1 thì gặp một nam thanh niên không biết tên, địa chỉ khoảng 18 tuổi, tóc cắt ngắn, da đen, cao khoảng 1,6m, Thù lầy 1.000.000 đồng đưa cho người này và nhận một gói nhỏ ma túy dạng đá được gói bằng giấy nilon màu trắng, viền màu xanh. Sau khi mua được ma túy, T đi về cất giấu gói ma túy ở một góc cây gần nhà. Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 13/12/2020, T gọi điện cho Nguyễn Nhân H rủ H sang nhà T chơi. Sau đó, T lấy gói nhỏ ma túy dạng đá mua của H1, lấy một lượng nhỏ ma túy đá trong gói cùng H sử dụng, số ma túy còn lại T thống nhất với H sẽ bán khi có người hỏi mua và cùng nhau đi bán để kiếm lời tiếp tục mua ma túy sử dụng, H đồng ý, sau đó H ra về còn T cất giấu số ma túy còn lại ở dưới gốc cây. Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 14/12/2020, T và H đang làm xây dựng tại xã Đ, huyện TD thì Nguyễn Thị Q (tên gọi khác là N) nhắn tin đến máy điện thoại của T hỏi mua 1.200.000 đồng ma túy đá để sử dụng. T nói cho H biết và thống nhất với H đến tối cùng nhau mang số ma túy còn lại đến phòng trọ của Q ở thôn V, xã H, huyện TD bán cho Q. Khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, H sang nhà T thì T

lấy gói ma túy đã giấu ở gốc cây trước cổng cho vào trong túi quần đang mặc rồi về nhà lấy xe mô tô BKS: 88K1 - 276.98 chở H đi đến phòng trọ của Q. Trên đường đi, T lấy gói ma túy đưa cho H rồi dặn H cầm gói ma túy ở tay nếu có Công an thì vứt bỏ, khi đến phòng trọ của Q thì để gói ma túy ở ngoài không được mang vào phòng trọ, khi Q đưa tiền thì chỉ chỗ giấu ma túy cho Q biết, H đồng ý. Khi đến phòng trọ của Q, H giấu gói ma túy đã tại nắp miệng giếng cạnh phòng trọ của Q rồi cả hai đi vào trong phòng trọ gặp Q, Q đưa cho T số tiền 1.000.000 đồng, Q bảo với T là còn thiếu 200.000 đồng cho Q nợ, hôm nào có thì trả, T đồng ý nhận 1.000.000 đồng của Q rồi cất vào túi quần trước bên phải đang mặc thì bị Công an huyện TD bắt quả tang cùng tang vật của vụ án. Tang vật thu giữ gồm: Thu giữ một gói nhỏ ma túy dạng đá ở trên nắp miệng giếng cạnh phòng trọ của Q, được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu A1; Số tiền 1.000.000 đồng ở trong túi quần trước bên phải của T và số tiền 505.000 đồng ở trong túi quần sau bên phải của T; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Siritur màu đỏ đen, biển kiểm soát: 88K1 - 276.98 của T; 01 điện thoại di động mặt sau có chữ iPhone S của T; 01 điện thoại di động có chữ Samsung màu vàng đồng của H; 01 mảnh giấy nhỏ màu trắng ghi số 884 và 01 điện thoại di động có chữ iPhone của Q.

Cùng ngày, cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Tam Dương tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn T và Nguyễn Nhân H. Quá trình khám xét, cơ quan Công an không phát hiện và thu giữ đồ vật, tài sản gì.

Tại bản kết luận số: 3216/KLGD ngày 19/12/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Tinh thể dạng đá màu trắng của mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng là 1,4440gam loại Methamphetamine (Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục II, TT 323, Nghị định 73/2018/NĐ- CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ).

Đối với Nguyễn Thị Q: Ngày 14/12/2020 có hành vi mua ma túy của Nguyễn Văn T và Nguyễn Nhân H để sử dụng cho bản thân, tuy nhiên Q chỉ mới đưa tiền cho T mà chưa nhận được ma túy từ T và H. Bản thân Q chưa có tiền án, tiền sự về các hành vi quy định tại các Điều 249, 250, 251, 252 Bộ luật hình sự nên hành vi của Q không cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 249 Bộ luật hình sự.

Đối với Trần Văn H1, sinh năm 1985 ở xã Y, huyện V và nam thanh niên trực tiếp bán ma túy cho Nguyễn Văn T. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh để làm rõ nhưng Trần Văn H1 đã bỏ nhà đi khỏi địa phương, gia đình H1 và Công an xã Y không biết H1 đi đâu, làm gì, ở đâu; còn người thanh niên trực tiếp bán ma túy cho Nguyễn Văn T, trên cơ sở đặc điểm Nguyễn Văn T mô tả, Công an xã Y không xác định được là ai. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ và đề nghị xử lý sau.

Việc Nguyễn Văn T và Nguyễn Nhân H có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy ở khu vực phía trước cổng nhà Nguyễn Văn T vào ngày 12/12/2020, đây là khu vực phía trước cổng nhà T không thuộc sự quản lý của T. Hơn nữa, Nguyễn Văn

Tv và Nguyễn Nhân H đều là những đối tượng nghiện chất ma túy và cùng nhau sử dụng ma túy nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên cơ quan điều tra không xem xét về hành vi chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy của T.

Tại Cáo trạng số: 29/CT- VKSTD P1 ngày 05/4/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện TD truy tố bị cáo Nguyễn Văn Tv và Nguyễn Nhân H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD đề nghị giữ nguyên cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Nhân H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt Nguyễn Văn T từ 03 năm đến 03 năm 03 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt Nguyễn Nhân H từ 03 năm đến 03 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam; Do bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Nhân H không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, tài sản nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Về vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện TD, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TD, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự tố tụng của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Nhân H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ khẳng định: Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 14/12/2020 tại thôn V, xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc Nguyễn Văn T và Nguyễn Nhân H có hành vi bán trái phép một gói ma túy đá có khối lượng 1,4440gam cho Nguyễn Thị Q với số tiền 1.000.000 đồng thì bị Công an huyện TD bắt quả tang cùng tang vật.

[3] Hành vi bán trái phép 1,4440gam ma túy đá của Nguyễn Văn Tv và Nguyễn Nhân H đã phạm vào tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự quy định: “*Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm*”.

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội. Các bị cáo nhận thức được mua bán trái phép chất ma túy bị pháp luật nghiêm cấm nhưng các bị cáo vẫn mua bán để kiếm lời. Trong vụ án này, Nguyễn Văn T là người giữ vai trò chính, T là người chuẩn bị tiền và trực tiếp đi mua ma túy về bán kiếm lời; Nguyễn Nhân H là người thực hành, giúp sức tích cực trong việc cùng T bán ma túy cho Q. Do đó khi quyết định hình phạt cần căn cứ vào vai trò, mức độ thực hiện hành vi của từng bị cáo để quyết định mức hình phạt tương xứng.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Các bị cáo đều là người có nhân thân xấu. Bị cáo Nguyễn Văn T năm 1999 bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; năm 2008 bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 09 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Bị cáo Nguyễn Nhân H năm 2016 bị Tòa án nhân dân huyện GL, tỉnh Hải Dương xử phạt 08 tháng tù về tội “đánh bạc, nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện, tu dưỡng bản thân mà còn tiếp tục phạm tội.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Đối với bị cáo Nguyễn Nhân H, tại bản án số 688/2000/HSST ngày 24/4/2000 Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xử phạt 18 năm tù về tội “Chứa mại dâm” và tội “Trộm cắp tài sản của công dân”, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/5/2015, án phí và được miễn thi hành hình phạt bổ sung, đến nay chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này được xác định là tái phạm nên bị cáo H phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng...*” do đó các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, tài sản. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

[6] Đối với Nguyễn Thị Q không có tiền án, tiền sự về các hành vi liên quan đến ma túy, ngày 14/12/2020 Q liên lạc với Thú để mua ma túy về sử dụng nhưng Quyết chỉ mới đưa tiền cho T mà chưa nhận được ma túy từ T và H thì bị Công an phát hiện bắt quả tang. Hành vi của Q không cấu thành các tội theo quy định tại các điều 249, 250, 251, 252 Bộ luật hình sự nên cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TD không xử lý hình sự với Quyết là phù hợp.

Đối với Trần Văn H1, sinh năm 1985 ở xã Y, huyện V và nam thanh niên trực tiếp bán ma túy cho Nguyễn Văn T. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh để làm rõ nhưng H1 đã bỏ nhà đi khỏi địa phương, gia đình H1 và Công an xã Y không biết H1 đi đâu, làm gì, ở đâu; còn người thanh niên trực tiếp bán ma túy cho Nguyễn Văn T, trên cơ sở đặc điểm Nguyễn Văn T mô tả, Công an xã Y không xác định được là ai. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ và đề nghị xử lý sau, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Việc Nguyễn Văn T và Nguyễn Nhân H có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy ở khu vực phía trước cổng nhà Nguyễn Văn T vào ngày 12/12/2020, đây là khu vực phía trước cổng nhà T không thuộc sự quản lý của T. Hơn nữa, Nguyễn Văn T và Nguyễn Nhân H đều là những đối tượng nghiện chất ma túy và cùng nhau sử dụng ma túy nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên cơ quan điều tra không xem xét đến hành vi chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy của T là phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng:

Mẫu trả của phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kí hiệu A1 = 1,4015 gam, cùng toàn bộ bao gói cần tịch thu tiêu hủy.

Số tiền 1.000.000 đồng là tiền của Nguyễn Thị Q sử dụng vào việc mua bán trái phép chất ma túy với Nguyễn Văn T cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, BKS: 88K1 - 276.98 là tài sản hợp pháp của Nguyễn Văn T, T đã sử dụng vào việc mua bán trái phép chất ma túy cần tịch thu phát mại sung ngân sách nhà nước.

01 điện thoại di động mặt sau có chữ iPhone S, Model A1688, mặt trước màu trắng là tài sản hợp pháp của Nguyễn Văn T và 01 điện thoại di động có chữ iPhone là tài sản hợp pháp của Nguyễn Thị Q, sử dụng để trao đổi mua bán trái phép chất ma túy, cần tịch thu bán phát mại sung ngân sách nhà nước.

01 điện thoại di động có chữ Samsung màu vàng đồng là tài sản hợp pháp của Nguyễn Nhân H, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho H, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Số tiền 505.000 đồng là tài sản hợp pháp của Nguyễn Văn T, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho T, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

01 mảnh giấy nhỏ màu trắng ghi số 884 không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Nhân H phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Nhân H phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 (Ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 14 tháng 12 năm 2020.

Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Nhân H 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 14 tháng 12 năm 2020.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy mẫu vật hoàn trả còn lại sau giám định là A1 = 1,4015 gam cùng toàn bộ bao gói.

Tịch thu, tiêu hủy 01 mảnh giấy nhỏ màu trắng ghi số 884.

Tịch thu, sung ngân sách Nhà nước số tiền 1.000.000 đồng.

Tịch thu, phát mại nộp ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, BKS: 88K1 - 276.98.

Tịch thu, phát mại nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động mặt sau có chữ iPhone S, Model A1688, mặt trước màu trắng và 01 điện thoại di động có chữ iPhone.

Trả lại cho Nguyễn Nhân H 01 điện thoại di động có chữ Samsung màu vàng đồng do không liên quan đến hành vi phạm tội, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho Nguyễn Văn T số tiền 505.000 đồng do không liên quan đến hành vi phạm tội, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Nhân H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện TD;
- Công an huyện TD;
- Chi cục THADS huyện TD;
- Lưu HS,VP, THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Thu Hạnh